

Số: 1051 /BC-LHH

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 6 năm 2023

## BÁO CÁO PHẢN BIỆN

### "Đề án phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"

Thực hiện Công văn số 1197/UBND-NN ngày 20/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá thực hiện nhiệm vụ phản biện các đề án, cơ chế, chính sách, quy định, định mức, kế hoạch năm 2023; trong đó có "Đề án phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" (sau đây viết tắt là Đề án); ngày 30/5/2023, Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đã gửi Công văn số 79/KHTC-CĐNN đề nghị phản biện kèm theo theo dự thảo Đề án và các tài liệu có liên quan, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) đã nghiên cứu lựa chọn chuyên gia, quyết định thành lập Hội đồng phản biện và tổ chức triển khai các bước của quy trình phản biện theo quy định.

Hội đồng phản biện Liên hiệp hội thống nhất thông qua báo cáo phản biện Đề án, xin báo cáo kết quả như sau:

#### I. CÁC NỘI DUNG ĐẠT ĐƯỢC:

Dự thảo Đề án được xây dựng với dung lượng 29 trang (chưa bao gồm các phụ lục), kết cấu thành 4 phần, gồm: Phần I. Sự cần thiết, căn cứ và phạm vi xây dựng đề án; Phần II. Thực trạng xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng Nông nghiệp giai đoạn 2017-2022; Phần III. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Phần IV. Tổ chức thực hiện. Đề án có bố cục, kết cấu rõ ràng, hợp lý, cân đối về nội dung giữa các phần; xác định rõ nhiệm vụ phát triển trường trong thời gian tới. Về cơ bản phù hợp theo hướng dẫn tại Công văn số 1203/SKHĐT- TH, ngày 01/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.

Tuy nhiên, tên mục, kết cấu, nội dung của dự thảo Đề án cần được nghiên cứu chỉnh sửa để sát với thực tiễn và thuận lợi khi triển khai thực hiện. Một số nội dung còn đơn giản, chưa đảm bảo tính thống nhất. Đây là Đề án nếu được phê duyệt sẽ được thực hiện trong phạm vi một đơn vị cụ thể, vì vậy nội dung đánh giá hiện trạng trên các mặt hoạt động liên quan đến Đề án cần chính xác, phản ánh đầy đủ, đúng tính chất và mức độ thực tế, có số liệu minh chứng rõ ràng hơn.v.v.

#### II. NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHỈNH SỬA, BỔ SUNG:

##### 1. Sự cần thiết, căn cứ và phạm vi xây dựng Đề án:

1.1. Sự cần thiết xây dựng Đề án: Tư duy về bố cục 3 mục được trình bày nhằm làm rõ sự cần thiết xây dựng Đề án là phù hợp. Tuy nhiên, nội dung trình

bày trong từng mục chưa làm toát lên được sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện Đề án. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu các ý sau:

- *Về vị trí của trường*: Cần thể hiện rõ các thành viên trước đây cũng như hiện tại đều là các cơ sở đào tạo nằm trong hệ thống mạng lưới quốc dân về đào tạo trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp và sau đó trở thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hiện nay, trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa nằm trong hệ thống các trường cao đẳng nghề thuộc hệ thống đào tạo nghề quốc dân và thuộc mạng lưới các trường cao đẳng của tỉnh; trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường so với chuẩn yêu cầu đối với trường cao đẳng nghề; kết quả đào tạo của nhà trường; trình độ, năng lực của người học sau ra trường.

- *Về vai trò của trường*: Cần xác định rõ vai trò của nhà trường đã và sẽ đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cần thể hiện được năng lực hiện tại của nhà trường; so sánh với yêu cầu của tỉnh và vùng lân cận về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mà nhà trường cần đạt được để thấy được những khó khăn, tồn tại, hạn chế, yếu kém mà nhà trường cần vươn lên. Làm rõ đặc thù của việc đào tạo nhân lực cho kinh tế nông nghiệp khó khăn, thách thức, đòi hỏi phải có những giải pháp, có sự đầu tư thoả đáng (chỉ rõ khó khăn thách thức): Đó là cơ sở vật chất cho đào tạo lý thuyết và cơ sở thực hành, thực nghiệm, xây dựng mô hình ... cơ chế chính sách cho tuyển sinh và sử dụng sau đào tạo, vấn đề tự chủ về tài chính, nhân lực; đồng thời cần nêu được những căn cứ pháp lý, thực tiễn về nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh ta và vùng lân cận đến năm 2030; dự báo về nguồn nhân lực nghề nông nghiệp, nông thôn mà tỉnh và vùng lân cận cần từ nay đến 2030 và 2045 (số lượng; bậc đào tạo, chuyên ngành đào tạo). Căn cứ để đề xuất hai vấn đề trên cần dựa vào “Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đã được Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg; Chỉ thị 21 – CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### **1.2. Căn cứ xây dựng đề án:**

Các căn cứ pháp lý sắp xếp chưa đúng trình tự, một số văn bản chưa chính xác, ít liên quan, cần sửa lại hoặc đưa ra khỏi Đề án, đề nghị: (i) Sắp xếp các căn cứ pháp lý một cách hệ thống, theo đúng trình tự quy định (*cấp thẩm quyền ban hành cao hơn thì sắp xếp trên; ngày, tháng ban hành trước thì sắp xếp trước hoặc sắp xếp theo từng lĩnh vực và nguyên tắc trên*); (ii) Nghiên cứu, rà soát lựa chọn những căn cứ có tính chất chỉ đạo, những văn bản liên quan trực tiếp đến Đề án và lược bỏ các căn cứ không liên quan; (iii) Bổ sung một số căn cứ như: Quyết định số 153/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58-

NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

**1.3. Đối tượng và phạm vi Đề án:** Thống nhất với các nội dung đã được trình bày trong Đề án.

## **2. Thực trạng về xây dựng và phát triển Trường Cao đẳng nông nghiệp giai đoạn 2017-2022**

- Tên của phần II: Hội đồng phản biện đề nghị nghiên cứu sửa thành “*Thực trạng về tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính và hoạt động của Trường Cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa giai đoạn 2017-2022*”.

### **2.1. Mục I. Quá trình hình thành và phát triển**

- Trường Cao đẳng Nông nghiệp mới thành lập chưa được 2 năm (9/2021 nên khi đề cập đến quá trình xây dựng và phát triển trường trải qua 60 năm, cần bổ sung thêm quyết định thành lập trường Trung cấp Nông lâm Thanh Hóa (18/11/1960), tiền thân của trường Cao đẳng Nông Lâm Thanh Hóa; làm rõ bề dày thành tích và đóng góp của các trường trước đây trong quá trình xây dựng và phát triển 60 năm qua. Bổ sung làm rõ chức năng, nhiệm vụ các giai đoạn từ trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp và kết quả hoạt động nổi bật trong các giai đoạn về đào tạo, về các hoạt động chuyên môn khác và nhận định tổng quát về tác động của hoạt động của nhà trường đối với sự phát triển của tỉnh trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn qua các giai đoạn. Tương tự đối với Trường Cao đẳng Nghề nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa cũng cần bổ sung đánh giá với các nội dung như Trường Cao đẳng Nông lâm Thanh Hóa.

- Để đánh giá đúng quá trình phát triển của các trường trước khi sáp nhập thành trường hiện nay, Hội đồng phản biện đề nghị bổ sung vào trong mục này phần đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương, quyết sách, chỉ đạo lớn của tỉnh, kế hoạch phát triển của các cơ sở đào tạo trước đây đối với sự phát triển của các cơ sở đào tạo trước khi sáp nhập để thấy được đâu là năng lực thực hiện, đồng thời thấy được những hạn chế trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của tỉnh làm cơ sở để đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn tới của nhà trường (nếu có), còn nếu không có thì nên đưa nội dung này vào hạn chế.

**2.2. Mục II. Những kết quả đạt được:** Đây là nội dung đánh giá về khả năng đáp ứng của cơ sở vật chất, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân lực và các hoạt động của nhà trường từ 2017 – 2022, nên phải thể hiện bằng số liệu, bảng biểu, đánh giá nhận xét cụ thể về kết quả hoạt động trong giai đoạn 2017- 2021 của các cơ sở đào tạo/trước khi sáp nhập và kết quả hoạt động từ sau khi sáp nhập đến hết năm 2022 đối với các điều kiện và hoạt động cụ thể như sau:

**2.2.1. Về tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên (trang 6-7):** Đề án đã nêu được những nội dung cơ bản về hiện trạng tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực hiện tại của nhà trường. Tuy nhiên, nội dung trình bày trong từng cụm vấn đề chưa đảm bảo logic, khoa học và chặt chẽ về thứ tự, nội dung trình bày trong từng vấn đề. Hội đồng phản biện đề nghị cần bổ sung số liệu minh chứng đảm bảo tính chính xác và có cơ sở cho các nhận định.

Cần nghiên cứu, bổ sung làm rõ và hoàn thiện vấn đề sau: Về tổ chức bộ máy của nhà trường gồm: Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các khoa, phòng và bộ môn, như vậy đã hoàn chỉnh với mô hình của một trường cao đẳng nghề hay chưa;

quản trị và chuyển đổi số của nhà trường đạt mức nào so với quy định và yêu cầu thực tiễn; mức độ cân đối giữa số lượng giảng viên với số lượng học sinh, sinh viên (theo quy định tỷ lệ học sinh, sinh viên và giảng viên của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội). Về đội ngũ cán bộ, giảng viên cần đánh giá đúng thực trạng của các đối tượng trong nhà trường, gồm: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; chuyên ngành đào tạo; trình độ quản lý, lý luận chính trị, ngoại ngữ; khả năng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đội ngũ cán bộ giảng viên so với chuẩn quy định và khả năng đáp ứng yêu cầu thực tế; mức độ phù hợp (thừa, thiếu hay đủ) giữa số lượng cán bộ giảng viên và quy mô đào tạo hiện nay của nhà trường; mức độ phù hợp giữa số lượng cán bộ quản lý, phục vụ quản lý và số lượng giảng viên với tổng số cán bộ giảng viên; đánh giá sự phù hợp về số lượng, cơ cấu và chất lượng (trình độ đào tạo, thực tiễn) của đội ngũ cán bộ, giảng viên và người lao động trong nhà trường trên cơ sở từ kết quả số lượng, chất lượng nguồn nhân lực do nhà trường đào tạo ra trong những năm qua. Đây là cơ sở để bổ sung những tồn tại, hạn chế của nhà trường trên các khía cạnh của tổ chức và nhân lực ở phần sau một cách chính xác, cơ sở để xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho sự phát triển của nhà trường trong những năm tới.

### *2.2.2. Công tác đào tạo (trang 7-8):*

- Tổng số và số lượng cụ thể các chương trình đào tạo theo các bậc đào tạo và ngành nghề đào tạo; hình thức đào tạo; kết quả đào tạo trước khi sát nhập và sau khi sáp nhập (giai đoạn 2017-2022) theo từng chương trình đào tạo. Cần bổ sung số liệu và nhận định đánh giá về chương trình được thực hiện, tần suất sử dụng đào tạo trong 5 năm qua so với tổng số từng nhóm chương trình để thấy được nhu cầu về bậc và nghề cần đào tạo thực tế từ xã hội đối với nhà trường. Kết quả cụ thể về số lượng chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật, điều chỉnh trong 5 năm qua. Đề nghị bổ sung phụ lục về chương trình đào tạo và kết quả đào tạo theo từng chuyên ngành trong 5 năm qua. Cần phải căn cứ vào các quy định tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP, ngày 06/4/2022, Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ, Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để tính toán và đưa ra những nhận xét, đánh giá chính xác về quy mô đào tạo, đội ngũ giảng viên và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

- Cần nêu rõ tổng số và số lượng học sinh, sinh viên tốt nghiệp theo bậc và nghề đào tạo; tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm đúng ngành nghề được đào tạo sau 6 tháng; nhận xét đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu của học sinh, sinh viên trong quá trình làm việc. Bổ sung phụ lục về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong công tác đào tạo, giai đoạn 2017-2022.

### *2.2.3. Công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và hợp tác trong nước, quốc tế (trang 9-10):*

- Hoạt động ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu: Đề nghị bổ sung phụ lục về kết quả “Hoạt động ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học” của nhà trường.

- Hoạt động hợp tác trong nước, quốc tế: Đề nghị bổ sung vào Đề án phụ lục để minh chứng cho các nhận định, đánh giá ở tiểu mục này. Chú ý: Thay cụm từ “đặc biệt” bằng “từ năm ...” hoặc bỏ cụm từ này vì không phù hợp. Nêu rõ nội dung hợp tác với tổ chức, doanh nghiệp trong nước về nội dung gì, kết quả đến đâu?

#### 2.2.4. Về cơ sở vật chất (trang 10):

- Nội dung trình bày ở phần này đã phản ánh một phần hiện trạng về cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, cơ sở vật chất phải đề cập theo nghĩa rộng (cơ sở vật chất không phải chỉ có diện tích đất, phòng học... mà còn phòng thí nghiệm, tin học, thư viện, cơ sở thực hành, sản xuất thử nghiệm, thể dục thể thao, y tế, trạm xá, ký túc xá, nhà ở giáo viên, nhà hiệu bộ...); một số nội dung trình bày còn lẫn lộn cả kết quả và tồn tại, hạn chế. Hội đồng phản biện đề nghị, đây là nội dung rất quan trọng để tỉnh quyết định đầu tư sau này, vì vậy, việc đánh giá về cơ sở vật chất cần phải dựa vào các định mức, quy chuẩn đã được Nhà nước ban hành; chuyển nội dung tồn tại về cơ sở vật chất về phần “Tồn tại, hạn chế” chung của Đề án.

2.2.5. Công tác tài chính (trang 10-11): Tương tự như các phần nêu trên, nội dung ở tiểu mục này là đánh giá về việc thực hiện cơ chế tài chính và kết quả thực hiện; các nội dung về công tác tài chính còn khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế cần được chất lọc trọng tâm để đưa vào phần “Tồn tại, hạn chế” chung của Đề án, không trình bày tản mạn và lẫn lộn trong từng phần. Cần nói rõ nguồn thu chủ yếu của nhà trường; những vấn đề khó khăn về tài chính (như đối tượng học chủ yếu là học sinh miền núi điều kiện kinh tế khó khăn, ngành nghề đào tạo chưa hấp dẫn...) để đặt ra lộ trình tự chủ tài chính phải dài hơn, ngân sách phải đảm bảo tốt hơn do đặc thù nghề đào tạo và đối tượng đào tạo khác với các trường khác.

2.2.6. Dịch vụ đối với người học: Trong đề án chưa đánh giá kết quả thực hiện công tác này của nhà trường, có nhiều nội dung liên quan đến học sinh, sinh viên và nhà trường cần được đánh giá đã đạt được những gì so với chuẩn chất lượng; những gì chưa đạt cần chuyển vào phần hạn chế, tồn tại chung của Đề án.

- Bổ sung thêm đánh giá thực trạng mô hình quản trị và quản lý nhà trường hiện nay để có cơ sở xây dựng phát triển giai đoạn tới.

### 2.3. Mục III. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

#### 2.3.1. Tồn tại, hạn chế:

- Nội dung trình bày trong 6 tồn tại, hạn chế cần được xem xét một cách kỹ lưỡng; lựa chọn cho chính xác các tồn tại, hạn chế chính, trong đó có cả những những tồn tại, hạn chế mà nhà trường chưa thể giải quyết được (Vì đây chính là vấn đề mà Đề án cần giải quyết trong những năm tới). Hội đồng phản biện cho rằng các hạn chế nêu trong Đề án là chưa thật sự chính xác so với quy định, yêu cầu của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh mong đợi nhà trường khắc phục. Đầu tiên là xác định hạn chế về công tác đào tạo: Cần nghiên cứu kỹ nội dung có liên quan trong các văn bản của Chính phủ và văn bản của tỉnh được trình bày trong phần căn cứ pháp lý của Đề án để lựa chọn ra những vấn đề mà ý tưởng; mục tiêu, xứ mạng trong chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2045 cần hướng tới để chỉ ra các hạn chế mà nhà trường cần tập trung khắc phục, không nói thay những khó khăn của tỉnh. Từ các vấn đề nêu trên đề nghị xem xét nội dung: Quy mô đào tạo, chương trình đào tạo, nghề đào tạo trọng điểm đã có và đáp

ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn của tỉnh và vùng lân cận cả hiện tại và tương lai hay chưa; về số lượng chương trình được kiểm định, về kiểm định chất lượng nhà trường đã được thực hiện chưa; năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyên giao khoa học công nghệ của nhà trường đã đáp ứng yêu cầu đến mức nào; các hạn chế về tổ chức, biên chế, năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường. Tương ứng với từng nội dung đánh giá kết quả trong Đề án, dựa trên việc so sánh kết quả đạt được của nhà trường với những chủ trương, định hướng, quy định về giáo dục nghề nghiệp của Chính phủ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, của tỉnh và nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh được đặt ra trong “Quy hoạch phát triển Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, dự báo đối với các vùng lân cận, nhà trường cần nghiên cứu để chỉ ra tồn tại, hạn chế.

**2.3.2. Nguyên nhân:** Đề án đã trình bày 2 nhóm nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế của nhà trường, trong đó về nguyên nhân chủ quan: Đề án chỉ ra 6 nguyên nhân chủ quan. Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát lại mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân đến từng hạn chế. Sau khi điều chỉnh lại các tồn tại, hạn chế cần xác định chính xác lại nguyên nhân, nhất là những nguyên nhân chủ quan. Cần nói rõ nhà trường chưa quan tâm đến kinh tế tập thể, đào tạo nhân lực cho doanh nghiệp nông nghiệp, cho hợp tác xã nông nghiệp và liên kết với hợp tác xã, doanh nghiệp.

**2.4. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm:** Cơ bản thống nhất nội dung như dự thảo. Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về kết quả hoạt động khi còn 2 trường cao đẳng trước khi sáp nhập và đánh giá sau khi sáp nhập. Hội đồng phản biện thống nhất với nội dung đánh giá sau khi sáp nhập.

### **3. Phần III. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển Trường Cao đẳng nông nghiệp Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

#### **3.1. Bối cảnh, tình hình:**

- Bối cảnh quốc tế và khu vực có liên quan, tác động đến định hướng và phát triển giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong nội dung này chưa trình bày được xu thế và yêu cầu phát triển giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn là như thế nào. Vì vậy, sẽ khó tìm thấy nội dung quan tâm và vận dụng vào Đề án. Đề nghị nghiên cứu bổ sung và chỉnh sửa lại nội dung này.

- Bối cảnh trong nước và trong tỉnh: Ngoài các chủ trương của Đảng và các quy định của Chính phủ đã ban hành, đề nghị bổ sung thêm một số văn bản của các bộ, ngành quy định đối với giáo dục nghề nghiệp như: Điều kiện đầu tư và hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo dục nghề nghiệp; về chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; về Điều lệ trường cao đẳng nghề; về tự chủ tài chính... các định hướng có liên quan đến đào tạo nguồn nhân lực, trong đó có nhân lực nghề nghiệp thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm nội dung: Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu; cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của nhà trường. Các nội dung trình bày tại tiểu mục này là những căn cứ luận giải cho việc xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đảm bảo tính khoa học và thực tiễn.

- Để xây dựng Đề án phù hợp với phát triển thị trường lao động cần bổ sung thêm phần dự báo nhu cầu ngành, nghề lĩnh vực nông nghiệp của thị trường lao động của tỉnh, vùng lân cận. Như vậy mới xác định được mục tiêu, giải pháp cụ thể cho từng giai đoạn.

### **3.2. Quan điểm, mục tiêu:**

- *Về quan điểm:* Quan điểm thể hiện trong dự thảo Đề án mới chỉ là mục tiêu xây dựng trường Cao đẳng Nông nghiệp chưa phải là quan điểm. Cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư và Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ để trích các quan điểm về phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cho phù hợp với nội hàm Đề án của UBND tỉnh.

- *Mục tiêu chung:* Đề nghị xác định thống nhất phạm vi đào tạo và nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường để trở thành trung tâm (hay một trong những trung tâm) đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đối với tỉnh Thanh Hóa và vùng lân cận hay là khu vực Bắc Trung Bộ hoặc là khu vực Miền Trung. Hội đồng phản biện đề nghị trước mắt nên theo phương án “khu vực Bắc Trung Bộ” là mức phù hợp. Để xác định chính xác được mục tiêu phát triển nhà trường đến 2030 đề nghị nghiên cứu so sánh một số tiêu chí quan trọng của nhà trường đạt được so với các trường Cao đẳng nghề nông nghiệp trong khu vực Bắc Trung Bộ và vùng lân cận để lựa chọn sát, đúng mục tiêu phát triển của nhà trường.

- *Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2023 – 2030:*

+ Cơ bản thống nhất với việc xác định mục tiêu phân đầu tại 2 mốc thời gian là 2025 và 2030, các mục tiêu phải nêu rất cụ thể cơ cấu, ngành nghề đào tạo cho từng giai đoạn với các nhóm chỉ tiêu: Đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, xây dựng đội ngũ, tài chính.

+ Các chỉ tiêu về quy mô đào tạo cần được phân theo bậc đào tạo và phải được so sánh với hiện tại (tỷ lệ tăng so với hiện tại là bao nhiêu %). Xác định rõ ngành đào tạo trọng điểm; chương trình đào tạo đạt chuẩn kiểm định. Cần có lý giải cơ sở và khả năng thực hiện thành công mục tiêu về ngành nghề đào tạo và xác định rõ đến năm 2025 và 2030 nhà trường có bao nhiêu chương trình đào tạo. Trên cơ sở xác định được quy mô, ngành nghề đào tạo và lưu lượng học sinh, sinh viên học tại trường mới xác định được số lượng, chất lượng nhà giáo cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo còn thiếu so với quy định. Từ đó mới có căn cứ để đề xuất tăng thêm số lượng, trình độ của giáo viên và nguồn kinh phí triển khai thực hiện.

### **3.3. Dự kiến nguồn nhân lực và điều kiện đảm bảo thực hiện các mục tiêu**

Các số liệu dự kiến về nguồn nhân lực và điều kiện đảm bảo thực hiện các mục tiêu được nêu trong Đề án cần được xây dựng dựa trên cơ sở tính toán, căn cứ pháp lý phục vụ cho việc xây dựng các nhiệm vụ của Đề án. Cần xây dựng phương án đảm bảo đầy đủ về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và phục vụ đào tạo cho nhà trường vào năm 2025 và 2030; đối chiếu với hiện trạng để xác định: (i) Nhu cầu nguồn nhân lực (nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động) cần được bổ sung; xác định số lượng từng đối tượng tuyển mới, đào tạo, bồi dưỡng đạt trình độ và kỹ năng chuẩn; (ii) Xác định (loại, quy mô, số lượng) các cơ sở vật

chất, trang thiết bị, thực hành, thí nghiệm phục vụ đào tạo, cơ sở phục vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cần đầu tư mới; cơ sở vật chất, trang thiết bị cần cải tạo, nâng cấp; cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thanh lý. Nội dung phản biện trên cho thấy phù hợp với ý kiến của Sở Xây dựng là “*chưa có cơ sở để tham gia ý kiến về xác định kinh phí đầu tư xây dựng theo quy định*”. Các yêu cầu trên làm căn cứ để nhà trường xây dựng dự kiến nguồn nhân lực và điều kiện đảm bảo thực hiện các mục tiêu theo 2 mốc thời gian đã nêu trong Đề án. Đề nghị bổ sung vào Đề án 4 phụ lục gồm: 2 Phụ lục tổng thể đối với trường đạt chuẩn chất lượng vào năm 2030 (nhân lực và cơ sở vật chất); 2 Phụ lục cần bổ sung (nhân lực và cơ sở vật chất) đối với 2 mốc thời gian 2025 và 2030.

### **3.4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

Đề nghị rà soát lại tất cả các nhóm nhiệm vụ và giải pháp, đảm bảo thống nhất nội dung trình bày trong từng nhiệm vụ giải pháp phải thuộc thành tố của nhiệm vụ giải pháp đó. Các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cần được lượng hóa cụ thể về tên, quy mô, xác định rõ thời gian thực hiện, phải căn cứ vào mục tiêu của Đề án để xác định và khi thực hiện thì các mục tiêu đề ra phải đạt được; tránh nêu các nhiệm vụ có tính định hướng, chung chung, thiếu cụ thể.

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 1 (trang 21-22): Hội đồng phản biện cơ bản thống nhất. Tuy nhiên, nâng cao nhận thức, trách nhiệm không phải chỉ đối với cán bộ giảng viên và người lao động mà cả đối với học sinh, sinh viên, vì vậy, cần bổ sung nhiệm vụ tuyên truyền trong học sinh, sinh viên. Cần phải nghiên cứu và ban hành các quy chế, quy định về trách nhiệm của cán bộ giảng viên, người lao động và học sinh, sinh viên trong việc xây dựng và phát triển nhà trường. Tăng cường học tập kinh nghiệm các trường cao đẳng trong nước có các phương pháp, cách làm sáng tạo nhóm giải pháp này. Các nhiệm vụ và giải pháp phải là những công việc cụ thể, có thể lượng hóa, tránh định tính.

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 2 (trang 22): Thống nhất với tên của nhóm nhiệm vụ và giải pháp 2, song các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể cần được lượng hóa bằng công việc và số lượng cụ thể và phải có thời gian dự kiến thực hiện và kết thúc. Ví dụ: Thực hiện mô hình quản trị Nhà trường theo hướng tiên tiến, hiện đại hay đổi mới cơ chế tài chính sẽ bắt đầu thực hiện vào năm nào?.

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 3 (trang 22-24) đề nghị:

+ Rà soát các nội dung trình bày trong nhóm nhiệm vụ và giải pháp này đảm bảo thống nhất giữa nội dung trình bày và tên của nhóm nhiệm vụ và giải pháp; không đưa các nội dung không liên quan vào nhóm nhiệm vụ và giải pháp.

+ Phải lượng hóa được đến năm 2025 và 2030 thì nhà trường có bao nhiêu chương trình đào tạo được đổi mới (số chương trình được rà soát, nâng cao; số chương trình đào tạo nghề được xây dựng mới).

+ Mở rộng khu vực tuyển sinh trong tỉnh, các tỉnh lân cận (Bắc Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ) và quốc tế (trước mắt là đào tạo nguồn nhân lực cho nước bạn Lào, trực tiếp là tỉnh Hủa Phăn, Xiêng Khoảng).

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 4 (trang 24): Cần xác định lại tên của nhóm nhiệm vụ và giải pháp vì đối tượng của các hoạt động của các nhiệm vụ được nêu trong nhiệm vụ giải pháp 4 là khác nhau; đề nghị chỉ xác định “Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng



tạo trong nhà trường”, nhiệm vụ hướng nghiệp và khởi nghiệp cần được xác định đối tượng là học sinh, sinh viên nên nhiệm vụ giải pháp phải được đặt trong hoạt động dịch vụ đối với người học (nếu xét thấy cần thiết).

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 5 (trang 24-25): Cần xác định rõ cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc; cơ cấu đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp cần đạt tại 2 mốc thời gian 2025 và 2030. Đề nghị bổ sung thời gian hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể. Phải căn cứ vào khả năng kinh phí mà nhà trường có khả năng tự chủ để đặt ra nhiệm vụ, tránh đặt ra nhiệm vụ nhưng khi thực hiện lại không có kinh phí. Trong từng nhiệm vụ giải pháp cần chỉ rõ nguồn kinh phí từ đâu.

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 6 (trang 26):

+ Đề nghị xác định rõ đối tượng nhà trường cần gắn kết, phối hợp và mục tiêu cụ thể của gắn kết, phối hợp và hợp tác. Ví dụ: Đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thì yêu cầu phối hợp, gắn kết chính là với các hợp tác xã, trang trại sản xuất, chính quyền các xã ở vùng nông thôn của tỉnh.

+ Bổ sung nội dung phối hợp với các trường đại học thuộc khối ngành nông nghiệp như: Liên kết các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ với các Trường Đại học Hồng Đức, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Viện Nông nghiệp Thanh Hoá, Liên minh hợp tác xã Thanh Hoá, các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận trong quá trình đào tạo và giải quyết đầu ra cho học sinh, sinh viên; mở rộng hợp tác quốc tế, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ với các trường cao đẳng, đại học nông nghiệp với các trường cao đẳng, đại học nông nghiệp trong nhóm ASEAN (trước mắt là Thái Lan, Philippin, Trung Quốc....) đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp (có lộ trình cụ thể, thực hiện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 7 (trang 25-26): Đề nghị nêu cụ thể các nhiệm vụ giải pháp chính trong phần này, nội dung phụ lục cần chi tiết để khi phê duyệt Đề án sẽ có được các nội dung cụ thể để thực hiện.

- Đối với nhóm nhiệm vụ giải pháp 8 (trang 26-27): Không nên đặt riêng nhiệm vụ này thành một mục mà nên lựa chọn nội dung chính đưa vào nhóm nhiệm vụ và giải pháp.

**3.5. Hiệu quả của Đề án:** Về cơ bản thống nhất như dự thảo. Đề nghị cần có số liệu cụ thể để minh chứng khi thực hiện Đề án sẽ giúp cho nhà trường giải quyết được vấn đề gì, số liệu cụ thể ra sao: Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để nhà trường làm căn cứ trình cấp có thẩm quyền thực hiện đầu tư phát triển nhà trường; nhà trường có căn cứ để xây dựng các phương án, kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn và hàng năm về xây dựng đội ngũ; đào tạo nguồn nhân lực. Khi thực hiện thành công Đề án tỉnh sẽ có một trường Cao đẳng nghề nông nghiệp, một trung tâm đào tạo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực nghề chất lượng cao của tỉnh và khu vực Bắc miền Trung.

**4. Tổ chức thực hiện:** Trước hết cần xác định trách nhiệm Nhà trường là cơ quan chủ trì và phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc “Xây dựng kế hoạch”, tổ chức triển khai, thực hiện “Kế hoạch” theo đúng nội dung, tiến

độ và dự kiến kết quả đạt được của Đề án đã được phê duyệt. Xác định rõ nội dung cụ thể trong các phần, mục trong Đề án. Cần làm rõ nội dung của các sở, ngành và UBND cấp huyện trong việc thực hiện Đề án, tránh chung chung.

### III. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo đề án nghiên cứu kỹ những đề nghị trong các nội dung phản biện ở trên để bổ sung hoàn thiện đề án đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và có tính khả thi cao nếu đề án được cấp thẩm quyền thông qua và phê duyệt.

2. Đề nghị bổ sung các phụ lục phản ánh đầy đủ dữ liệu minh chứng thực trạng các hoạt động của nhà trường giai đoạn 2017-2022; nhất là phụ lục các nhiệm vụ của Đề án. Tập trung phân tích lý giải về sự cần thiết, căn cứ, số liệu cụ thể phục vụ xác định mục tiêu phát triển nhà trường đến 2025 và 2030.

3. Đây là đề án phục vụ cho việc đầu tư phát triển nhà trường, không phải là đề án phục vụ cho ban hành chủ trương, vì vậy, các nội dung trình bày trong đề án phải là những nhận định đánh giá dựa trên số liệu cụ thể. Đề nghị giảm tối đa các nhiệm vụ và giải pháp mang tính định hướng, định tính, thiếu định lượng như đã đề cập trong các nội dung phản biện.

### IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

#### 1. Kết luận:

Dự thảo Đề án đã được tổ chức nghiên cứu xây dựng khẩn trương, nghiêm túc, phù hợp với nhiệm vụ được giao. Nội dung chuẩn bị của dự thảo đã có đủ điều kiện để có thể giúp cho việc hoàn thiện xây dựng Đề án trên cơ sở tiếp thu ý kiến Hội đồng phản biện, ý kiến góp ý của các sở, ngành có liên quan.

**2. Đề nghị:** Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ những đề nghị trong các nội dung phản biện ở trên để bổ sung hoàn thiện đề án đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và có tính khả thi cao khi đề án được cấp thẩm quyền thông qua và phê duyệt.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đào Thanh Tùng (để b/c);
- Trường Cao đẳng Nông nghiệp Thanh Hóa;
- Thường trực LHH;
- Hội đồng phản biện;
- Lưu VT, VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phát